

**CÔNG TY TNHH DOANH NGHIỆP XÃ HỘI NGHỆ NHÂN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DOANH NGHIỆP XÃ HỘI NGHỆ NHÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109291780

**3. Ngày thành lập:** 03/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

39 Nguyễn Quốc Trị, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02436883399

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1811     |
| 2.  | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ phát hành chương trình truyền hình, phát sóng)                                                                                                                                                                                                                                                            | 5820     |
| 3.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình<br>(Trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 5911     |
| 4.  | Hoạt động hậu kỳ<br>(Trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                                                                  | 5912     |
| 5.  | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video<br>(Trừ hoạt động báo chí, hoạt động phát hành chương trình truyền hình)                                                                                                                       | 5913     |
| 6.  | Hoạt động chiếu phim<br>(Trừ sản xuất phim)                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5914     |
| 7.  | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(Trừ hoạt động xuất bản)                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5920     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ thư điện tử<br>- Dịch vụ truy nhập internet<br>- Thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông<br>- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet); | 6190 |
| 9.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                        | 6311 |
| 10. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                 | 6312 |
| 11. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ cung cấp thông tin cá nhân, thông tin nhà nước cấm, hoạt động báo chí)                                                                                                                                              | 6399 |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đầu giá, môi giới chứng khoán)                                                                                                                                                                                       | 4610 |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ Bán buôn dược phẩm)                                                                                                                                                                                                            | 4649 |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                       | 4651 |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                        | 4652 |
| 16. | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                          | 8511 |
| 17. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                         | 8512 |
| 18. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                         | 8521 |
| 19. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                  | 8522 |
| 20. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                              | 8523 |
| 21. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                            | 8531 |
| 22. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                         | 8532 |
| 23. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                          | 8533 |
| 24. | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                           | 8541 |
| 25. | Giáo dục thể thao và giải trí<br>Chi tiết: - Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v...); - Dạy thể thao, cắm trại; - Hướng dẫn cô vũ; - Dạy thể dục; - Dạy cưỡi ngựa; - Dạy bơi; - Dạy võ thuật; - Dạy yoga.                                    | 8551 |
| 26. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>Chi tiết: - Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác; - Dạy hội họa; - Dạy nhảy; - Dạy kịch; - Dạy mỹ thuật; - Dạy nghệ thuật biểu diễn;                                                                                                      | 8552 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 27. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính | 8559        |
| 28. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                                                                                                                                                                        | 8560        |
| 29. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9000        |
| 30. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề<br>Chi tiết: Hoạt động của các buổi biểu diễn, triển lãm theo chủ đề và các khu vui chơi dã ngoại                                                                                                                                                                                                                                                      | 9321        |
| 31. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử<br>(trừ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)                                                                                                                                                                      | 9329        |
| 32. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310(Chính) |
| 33. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN PHAN HUY KHÔI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch Công ty*

Sinh ngày: *03/04/1982*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *040082000783*

Ngày cấp: *27/09/2017*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *CHCCS3514, tòa B, KNOCC Viglacera, TL N01, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *CHCCS3514, tòa B, KNOCC Viglacera, TL N01, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội